TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 23-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu T
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hân
Ông Phùng Duy Nam
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST- HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 10/5/2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị Linh T, Tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1994 tại huyện Y, tỉnh P; nơi cư trú: Khu T, xã N, huyện Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt Đảng tại Chi bộ bưu điện, thuộc Đảng bộ Huyện ủy Y. Bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 85-QĐ/UBKTHU ngày 26/02/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện Ủy Y; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Sử và bà Trần Thị H; chồng: Phạm Trung K, con có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/02/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P, có mặt.

- Bị hại: Bưu điện huyện Y, tỉnh P
Địa chỉ: Khu Tân An 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P.
Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Anh T – Giám đốc
(Ông Tùng vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu Q, xã N, huyện Y, tỉnh P, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Linh T, sinh năm 1994 ở khu T, xã N, huyện Y là nhân viên hợp đồng của Bưu điện huyện Y theo Hợp đồng lao động số 32/HĐ-BĐYL ngày 03/01/2023. Nhiệm vụ của T là thực hiện các nghiệp vụ tài chính bưu chính của Bưu điện huyện Y trong đó có nhiệm vụ cấp phát lương hưu, tiền bảo trợ, trợ cấp xã hội cho những người trong diện được trợ cấp tại bưu điện văn hóa xã N, huyện Y theo danh sách chi trả đối tượng Bảo trợ xã hội do Bưu điện huyện Y cung cấp.

Trong vòng 3 ngày từ ngày nhận tiền thì T bắt buộc phải cấp phát đầy đủ cho người dân trong diện được hưởng trợ cấp (những trường hợp người trong diện không có mặt tại địa phương hoặc người trong danh sách không còn trong diện được hưởng trợ cấp thì số tiền không cấp phát được sẽ phải trả lại bưu điện huyện). T có trách nhiệm chuyển danh sách đã cấp phát có đầy đủ chữ ký của người nhận tiền, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y chuyển lại cho Bưu điện huyện Y để tiến hành xác định số tiền đã chi trả, số người đã nhận và kê danh sách những người chưa nhận tiền trợ cấp xã hội trong tháng để Bưu điện huyện Y tiến hành quyết toán với Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Y.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023, hàng tháng T nhận tiền của Bưu điện huyện Y giao quản lý để chi trả cho các đối tượng trợ cấp tại xã N, huyện Y. Sau khi nhận tiền, T đã dùng thủ đoạn gian dối, không chi trả cho một số đối tượng trợ cấp mà tự ký tên họ vào danh sách đã nhận tiền để quyết toán với Bưu điện huyện Y để chiếm đoạt tiền Ngân sách Nhà nước chi trả cho đối tượng trợ cấp xã hội do Bưu điện huyện Y chi trả theo hợp đồng ký kết với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Y. Cụ thể như sau:

1. Ngày 09/01/2023**,** Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 124.920.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 229 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 12/01/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 229 người với số tiền là 124.920.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 224 cá nhân trong diện với số tiền là 122.580.000 đồng. Còn 05 cá nhân trong diện với số tiền 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) T không chi trả mà lập khống chứng từ (T tự ký chữ ký của 5 người này là đã nhận tiền, để quyết toán), rồi chiếm đoạt số tiền 2.340.000đ, cụ thể như sau: Số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Trần Đăng K, sinh năm 2021 hộ khẩu thường trú khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1932, hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Huy H, sinh năm 2021, hộ khẩu thường trú tại

khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Bùi Bảo H, sinh năm 2022, hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị K, sinh năm 1943, hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y.

2. Ngày 09/02/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 135.720.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 239 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 12/02/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 239 người với số tiền là 135.720.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 231 cá nhân trong diện với số tiền là 131.400.000 đồng. Còn 08 cá nhân trong diện với số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ. T tự ký chữ ký của 8 người này là đã nhận tiền, để quyết toán, rồi chiếm đoạt số tiền 4.320.000 đồng, cụ thể như sau: số tiền 540.000 đồng phải trả cho chị Hà Thị Hương H, sinh năm 2002, hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho cháu Hà Khắc V, sinh năm 2006, hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả chị Đỗ Thị Thu Đ, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012, có hộ khẩu thường trú tại thu 2, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Huy H, sinh năm 2021 hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Đức G, sinh năm 2021, hộ khẩu thường trú tại khu 7 xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho ông Đinh Văn D, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị K, sinh năm 1943, hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y, tỉnh P.

3. Ngày 8/3/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 132.660.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 241 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 12/03/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 241 người với số tiền là 132.660.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 237 cá nhân trong diện với số tiền là 130.320.000 đồng. Còn 04 cá nhân trong diện với số tiền 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ. T tự ký chữ ký của 4 người này là đã nhận tiền, để quyết toán, rồi chiếm đoạt số tiền 2.340.000 đồng, cụ thể như sau: Số tiền 720.000 đồng phải trả cho cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012, hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho cháu Nguyễn Bá Đ, sinh năm 2009, hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y; Số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Huy H, sinh năm 2021, hộ khẩu thường trú tại khu 7 xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị K, sinh năm 1943, hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y.

4. Ngày 09/4/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 137.160.000đồng cùng danh sách chi trả cho 241 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 12/04/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 241 người với số tiền là 137.160.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 238 cá nhân trong diện với số tiền là 135.720.000 đồng. Còn 03 cá nhân trong diện với số tiền 1.440.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ. T tự ký chữ ký của 3 người này là đã nhận tiền, để quyết toán rồi chiếm đoạt số tiền 1.440.000 đồng, cụ thể như sau: số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Huy H, sinh năm 2021, hộ khẩu thường trú tại khu 7 xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị Chắt, sinh năm 1941, hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đinh Hoàng M, sinh năm 2022, hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P.

5. Ngày 09/5/ 2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 135.900.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 248 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 12/05/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 248 người với số tiền là 135.900.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 243 cá nhân trong diện với số tiền là 133.020.000 đồng. Còn 05 cá nhân trong diện với số tiền 2.880.000 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ. T tự ký chữ ký của 5 người này là đã nhận tiền, để quyết toán), rồi chiếm đoạt số tiền 2.880.000 đồng, cụ thể như sau: Số tiền 720.000 đồng phải trả cho ông Đinh Văn S, sinh năm 1968, hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho ông Đinh Văn K, sinh năm 1968, hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đinh Hoàng M, sinh năm 2022, hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Huy H, sinh năm 2021, hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho chị Đinh Thị H, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh P.

6. Ngày 08/6/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 145.620.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 258 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 12/06/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 258 người với số tiền là 145.620.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 246 cá nhân trong diện với số tiền là 139.140.000 đồng. Còn 12 cá nhân trong diện với số tiền 6.480.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ. T tự ký chữ ký của 12 người này là đã nhận tiền, để quyết toán, rồi chiếm đoạt số tiền 6.480.000 đồng, cụ thể như sau: Số tiền 900.000 đồng phải trả cho cháu Đào Tiến T,

sinh năm 2012, hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Hoàng Anh Q, sinh năm 2021, có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Đinh Thị S, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Hà Thu T, sinh năm 2022 có hộ khẩu thường trú atij khu 3, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho chị Hà Thị T, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Đinh Thị M, sinh năm 1933, có hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đỗ Huy H, sinh năm 2021 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho anh Đoàn Văn N, sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả bà Phan Thị O, sinh năm 1940, có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 720.000 đồng phải trả cho chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Nguyễn Phùng Bá V, sinh năm 2022 có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã N, huyện Y, tỉnh P.

7. Ngày 07/7/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 140.940.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 259 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 10/07/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 259 người với số tiền là 140.940.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 252 cá nhân trong diện với số tiền là 137.340.000 đồng. Còn 07 cá nhân trong diện với số tiền 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ (T tự ký chữ ký của 7 người này là đã nhận tiền, để quyết toán), rồi chiếm đoạt số tiền 3.600.000 đồng, cụ thể như sau: số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Đinh Thị S, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 900.000 đồng phải trả cho ông Xa Văn C, sinh năm 1960; có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Đinh Thị T, sinh năm 1960 có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Hà Thị L, sinh năm 1942 có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Đinh Thị M, sinh năm 1933, có hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã N, huyện Y; số tiền 900.000 đồng phải trả cho ông Xa Văn K, sinh năm 1937 có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho ông Xa Văn Biên, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã N, huyện Y;

8. Ngày 07/8/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 137.160.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 253 cá nhân trong diện trợ cấp xã

hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 10/08/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 253 người với số tiền là 137.160.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 241 cá nhân trong diện với số tiền là 130.860.000 đồng. Còn 12 cá nhân trong diện với số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ, T tự ký chữ ký của 12 người này là đã nhận tiền, để quyết toán rồi chiếm đoạt số tiền 6.300.000 đồng, cụ thể như sau: số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Đinh Thị S, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 720.000 đồng phải trả cho cháu Hà Khắc V, sinh năm 2006 có hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả chị Đỗ Thị Thu Đ, sinh năm 1975 có hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Hà Thị L, sinh năm 1942, có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị Q - sinh năm 1970 có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 900.000 đồng phải trả cho bà Đinh Thị T, sinh năm 1945, có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Đinh Thị M, sinh năm 1933 có hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Bùi Thị H, sinh năm 1963 có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 720.000 đồng phải trả cho bà Vũ Thị L, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 540.000 đồng phải trả cho anh Phan Ngọc Đ, sinh năm 1991, có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P; Số tiền 720.000 đồng phải trả cho chị Trần Hải V, sinh năm 2005 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y, tỉnh P.

9. Ngày 07/9/2023, Bưu điện huyện Y chuyển cho Phạm Thị Linh T nhận số tiền 152.640.000 đồng cùng danh sách chi trả cho 248 cá nhân trong diện trợ cấp xã hội trên địa bàn xã N, huyện Y. Đến ngày 10/9/2023, T đã chuyển lại danh sách những người đã ký nhận chi trả tiền là 248 người với số tiền là 152.640.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, T chỉ chi trả cho 233 cá nhân trong diện với số tiền là 144.540.000 đồng. Còn 15 cá nhân trong diện với số tiền 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng), T không chi trả mà lập khống chứng từ (T tự ký chữ ký của 15 người này là đã nhận tiền, để quyết toán), rồi chiếm đoạt số tiền 8.100.000 đồng, cụ thể như sau: Số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Đinh Thị S, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Hà Thị L, sinh năm 1942 có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Đinh Thị M, sinh năm 1933, có hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã N, huyện Y, tỉnh P; Số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963 có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y; số

tiền 540.000 đồng phải trả cho anh Hoàng Thạch P, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã N, huyện Y, tỉnh P; số tiền 1.080.000 đồng phải trả cho bà Dương Thị V, sinh năm 1940 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho chị Ngô Thị V, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1997 có hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Đinh Công P, sinh năm 2022 có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho cháu Hà Ngọc L, sinh năm 2021 có hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho bà Bùi Thị H, sinh năm 1963 có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho bà Vũ Thị L, sinh năm 1978, có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 540.000 đồng phải trả cho anh Phan Ngọc Đ, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã N, huyện Y; số tiền 360.000 đồng phải trả cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y; số tiền 720.000 đồng phải trả cho chị Trần Hải V, sinh năm 2005 có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã N, huyện Y.

Tổng số tiền trợ cấp xã hội T đã chiếm đoạt là 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Hành vi của Phạm Thị Linh T trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đã không chi trả đầy đủ tiền trợ cấp xã hội cho 47 người dân trong diện được hưởng trợ cấp xã hội, tự ký tên của 47 người dân trong danh sách cấp phát để hợp thức chứng từ sau đó chuyển lại cho Bưu điện huyện Y để thực hiện việc quyết toán, chiếm đoạt số tiền trợ cấp xã hội là 37.800.000đ, đã đủ yếu tố cấu thành tội ”Tham ô tài sản” theo điều 353 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Phạm Thị Linh T chiếm đoạt số tiền trợ cấp trong các tháng 1, tháng 2, tháng 3, tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9 năm 2023, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội ”Tham ô tài sản” theo điều 353 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi của Phạm Thị Linh T chiếm đoạt số tiền trợ cấp trong tháng 4 năm 2023 dưới 2.000.000đ, hành vi của T chưa bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên phải được xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền chiếm đoạt.

Do vậy hành vi của T được định khung tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt là 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).

Cáo trạng số: 26/CT –VKSYL- HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P truy tố bị cáo Phạm Thị Linh T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Linh T phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Linh T từ 05 (Năm) năm đến 05 (Năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bưu điện huyện Y số tiền 37.800.000đ(Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Anh T đã nhận đủ số tiền trên, chi trả đầy đủ cho các đối tượng được hưởng trợ cấp và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Phạm Thị Linh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H có quan điểm: Số tiền 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng), bị cáo T đã tác động đến gia đình để bà thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa bà có quan điểm số tiền này bà cho bị cáo T, không đề nghị bị cáo phải trả lại cho bà. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa, khắc phục những sai lầm của mình, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Từ tháng 1/2023 đến tháng 9/2023, tại Bưu điện xã N, huyện Y, Phạm Thị Linh T, sinh năm 1994 ở khu T, xã N, huyện Y, tỉnh P là nhân viên hợp đồng của Bưu điện huyện Y. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023, hàng tháng sau khi nhận tiền của Bưu điện huyện Y giao quản lý để chi trả cho các đối tượng trợ cấp tại xã N huyện Y, T đã dùng thủ đoạn gian dối, không chi trả cho 47 đối tượng trợ cấp mà tự ký tên họ vào danh sách đã nhận tiền để quyết toán với Bưu điện huyện Y để chiếm đoạt tiền Ngân sách Nhà nước chi trả cho đối tượng trợ cấp xã hội do Bưu điện huyện Y chi trả theo hợp đồng ký kết với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Y là 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Phạm Thị Linh T phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Điều 353 - Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Bưu điện huyện Y trong lĩnh vực quản lý tài chính nên cần phải đưa bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt tương xứng mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông Phạm Văn T là ông nội của

bị cáo và ông ngoại của bị cáo là ông Trần Trọng Đ đều là người có công với cách mạng và được tặng thưởng huy chương kháng chiến, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo Phạm Thị Linh T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên có thể áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Thị Linh T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, để giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Phạm Thị Linh T.

[4]: Trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại là bưu điện huyện Y số tiền 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Anh Tùng đã nhận đủ số tiền trên, chi trả đầy đủ cho các đối tượng được hưởng trợ cấp và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bà Trần Thị H là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Thị Linh T đã tự nguyện nộp số tiền 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) để khắc phục hậu quả và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Thị Linh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Linh T phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Linh T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bưu điện huyện Y số tiền 37.800.000đ(Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Anh T đã nhận đủ số tiền trên, chi trả đầy đủ cho các đối tượng được hưởng trợ cấp và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bà Trần Thị Hoa là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Thị Linh T đã tự nguyện nộp số tiền 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) để khắc phục hậu quả và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Thị Linh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện Y;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Công an huyện Y;
- UBKT huyện ủy Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam công an tỉnh P;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu T